

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **568/QĐ-BCT**

Hà Nội, ngày **20** tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Biên bản đánh giá tổ chức chứng nhận sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ ngày 09 tháng 12 năm 2021 và ngày 17 tháng 10 năm 2023;

Xét đề nghị của ông Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Chi nhánh Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp tại hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động chứng nhận sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ ngày 29 tháng 9 năm 2023 và báo cáo khắc phục hoàn thiện hồ sơ ngày 20 tháng 10 năm 2023 được gửi kèm công văn số 2598/TTVLNCN-CV; hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định chỉ định chứng nhận ngày 27 tháng 02 năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin; Địa chỉ: Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thành Xuân, Thành phố

Hà Nội; Địa chỉ đơn vị thực hiện hoạt động chứng nhận (Chi nhánh Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp): Tiểu khu Cầu Sến, Phường Phương Đông, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh thực hiện việc chứng nhận đối với sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

Chi tiết danh mục sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ được chỉ định chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Mã số chỉ định: 01.22.CN.VLNCN.

Điều 2. Quyết định này được cấp lần ba, thay thế các Quyết định số 216/QĐ-BCT ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc chỉ định tổ chức chứng nhận; Quyết định số 2888/QĐ-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc chỉ định tổ chức chứng nhận. Quyết định này có thời hạn hiệu lực đến ngày 20 tháng 02 năm 2025 kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ KH&CN (để biết);
- Các Cục: ATMT, HC;
- Văn phòng Bộ (để đăng thông báo);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC
DANH MỤC SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN
CHẤT THUỐC NỔ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Quyết định số **568** /QĐ-BCT ngày **20** tháng 3 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| TT | Tên sản phẩm chứng nhận | Quy chuẩn, quy trình, tài liệu phục vụ chứng nhận | Phương thức chứng nhận |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1 | Thuốc nổ ANFO | QCVN 04:2012/BCT; TTVLN/QTCN/01* | Phương thức 5, 7 |
| 2 | Thuốc nổ ANFO chịu nước | QCVN 12-9:2022/BCT; TTVLN/QTCN/01 | Phương thức 5, 7 |
| 3 | Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ | QCVN 05:2012/BCT; Thông tư số 31/2020/TT-BCT; TTVLN/QTCN/02 | Phương thức 5, 7 |
| 4 | Các loại thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ | QCVN 06:2020/BCT; TTVLN/QTCN/03 | Phương thức 5, 7 |
| 5 | Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng | QCVN 05:2020/BCT; TTVLN/QTCN/03 | Phương thức 5, 7 |
| 6 | Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên | QCVN 04:2020/BCT; TTVLN/QTCN/04 | Phương thức 5, 7 |
| 7 | Thuốc nổ nhũ tương tạo biên dùng cho lộ thiên và mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ | Thông tư số 31/2020/TT-BCT; TTVLN/QTCN/04 | Phương thức 5, 7 |
| 8 | Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên | QCVN 03:2020/BCT; TTVLN/QTCN/04 | Phương thức 5, 7 |
| 9 | Thuốc nổ Amonit AD1 | QCVN 07:2015/BCT; TTVLN/QTCN/10 | Phương thức 7 |
| 10 | Thuốc nổ nhũ tương rời | QCVN 12-10:2022/BCT; TTVLN/QTCN/13 | Phương thức 5, 7 |
| 11 | Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói | QCVN 12-2:2021/BCT; TTVLN/QTCN/13 | Phương thức 5, 7 |
| 12 | Thuốc nổ TNP1 | QCVN 12-1:2021/BCT; TTVLN/QTCN/13 | Phương thức 5, 7 |
| 13 | Thuốc nổ bột không có TNT dùng cho lộ thiên | QCVN 12-4:2021/BCT; TTVLN/QTCN/13 | Phương thức 5, 7 |
| 14 | Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT) | QCVN 12-12:2022/BCT; TTVLN/QTCN/14 | Phương thức 5, 7 |

| TT | Tên sản phẩm chứng nhận | Quy chuẩn, quy trình, tài liệu phục vụ chứng nhận | Phương thức chứng nhận |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 15 | Kíp nổ đốt số 8 | QCVN 03:2015/BCT; TTVLN/QTCN/06 | Phương thức 7 |
| 16 | Các loại kíp nổ điện | QCVN 02:2015/BCT TTVLN/QTCN/05 | Phương thức 7 |
| 17 | Kíp nổ vi sai phi điện và kíp nổ vi sai phi điện an toàn | QCVN 07:2012/BCT; Thông tư số 31/2020/TT-BCT; TTVLN/QTCN/07 | Phương thức 5, 7 |
| 18 | Kíp vi sai phi điện MS | QCVN 12-5:2022/BCT; TTVLN/QTCN/07 | Phương thức 5, 7 |
| 19 | Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP | QCVN 12-6:2022/BCT; TTVLN/QTCN/07 | Phương thức 5, 7 |
| 20 | Dây dẫn tín hiệu nổ | QCVN 06:2012/BCT; TTVLN/QTCN/07 | Phương thức 5, 7 |
| 21 | Dây nổ thường | QCVN 12-7:2022/BCT; TTVLN/QTCN/08 | Phương thức 5, 7 |
| 22 | Dây cháy chậm công nghiệp | QCVN 06:2015/BCT; TTVLN/QTCN/09 | Phương thức 7 |
| 23 | Các loại dây nổ chịu nước | QCVN 04:2015/BCT; Thông tư số 31/2020/TT-BCT; TTVLN/QTCN/08 | Phương thức 7 |
| 24 | Môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp | QCVN 08:2015/BCT; TTVLN/QTCN/11 | Phương thức 7 |
| 25 | Amoni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO | QCVN 03:2012/BCT; TTVLN/QTCN/12 | Phương thức 5, 7 |
| 26 | Amoni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương | QCVN 05:2015/BCT; TTVLN/QTCN/12 | Phương thức 7 |

* TTVLN/QTCN/xx: Quy trình chứng nhận của Chi nhánh Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin, Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp.